

DỊCH VỤ GIÁO DỤC CỦA WTO: LỢI HẠI THẾ NÀO?

PGS.TS. Bùi Hiền

Nguyên Phó hiệu trưởng ĐH Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội

Giá mà không có WTO! Nhưng thực tế nó đang tồn tại để làm công cụ lợi hại nhất cho các tập đoàn tư bản lũng đoạn xuyên quốc gia và đang bao trùm lên khắp thế giới như một định mệnh không sao tránh khỏi đối với các nước thế giới thứ ba. Biết không thể đứng ngoài, Việt Nam đã chủ động xin gia nhập Tổ chức thương mại Thế giới (WTO). Theo đúng tên gọi, WTO chỉ là không gian buôn bán, trao đổi hàng hoá trên phạm vi toàn cầu, nhưng trên thực tế nó lại đòi hỏi các nước phải tuân theo những quy định chung liên quan đến nhiều lĩnh vực hoạt động ngoài thương mại. Đúng như lời cựu Thủ tướng thuộc đảng Xã hội Pháp đã nói trên VTV1 gần đây: luật lệ của WTO là do các nước giàu đặt ra và chỉ để phục vụ lợi ích của nước giàu. Quy định giáo dục là một ngành dịch vụ thương mại của WTO khá xa lạ đối với mọi người và mang tính áp đặt, nên không phải nước nào cũng tán thành và chịu cam kết. Song Việt Nam chấp nhận có điều kiện quan điểm đó và đã cam kết thực hiện một số điều chủ yếu sau đây với WTO:

- Chỉ cam kết các lĩnh vực kỹ thuật, khoa học tự nhiên và công nghệ, quản trị kinh doanh và khoa học kinh doanh, kinh tế học, kế toán, luật quốc tế và đào tạo ngôn ngữ.

- Đối với các phân ngành giáo dục bậc cao (C), giáo dục người lớn (D) và các dịch vụ khác, trong đó bao gồm đào tạo ngoại ngữ (E), cho phép cung cấp theo phương thức “hiện diện thương mại” không hạn chế, ngoại trừ: Kể từ ngày Việt Nam gia nhập WTO chỉ cho phép liên doanh và đến ngày 1/1/2009 sẽ cho phép thành lập cơ sở đào tạo 100% vốn đầu tư nước ngoài. Nhưng các chương trình đào tạo phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam phê chuẩn.

- Theo phương thức “hiện diện thể nhân” chỉ nhận cam kết chung là chuyên gia (giáo viên) nước ngoài làm việc tại các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài phải có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam công nhận về chuyên môn.

- Riêng phương thức “tiêu dùng ở nước ngoài” (tức đi du học) thì không hạn chế.

Những cam kết trên đây của Việt Nam đòi hỏi chúng ta, trước hết là trên bình diện chính sách vĩ mô, phải tìm ra những biện pháp phù hợp để khai thác triệt để các lợi ích có thể có, đồng thời ngăn ngừa, gạt bỏ được những ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghiệp giáo dục của Việt Nam theo quan điểm “Giáo dục là quốc sách hàng đầu” với các

chức năng “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài” cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều quan trọng trước hết cần tìm hiểu là các nước phát triển đòi mở cửa dịch vụ giáo dục ở Việt Nam nhằm mục đích gì. Theo tôi ***mục đích trực tiếp trước mắt của họ là tạo nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu sản xuất, kinh doanh để họ đạt được lợi nhuận cao nhất trong thương mại, kinh doanh không chỉ ở Việt Nam vì nguồn tuyển sinh dồi dào và chi phí đào tạo thấp.*** Theo cam kết, bên cạnh hình thức liên doanh, bắt đầu từ 1/1/2009, họ (tức các nước phát triển nhất trong WTO) được phép thành lập không hạn chế các cơ sở đào tạo 100% vốn nước ngoài đối với các phân ngành giáo dục bậc cao, nghĩa là họ có thể tuyển thẳng số lượng lớn những học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở, phổ thông trung học, các cử nhân, thạc sĩ và những người lớn khác để trực tiếp tạo ra nguồn nhân lực theo yêu cầu và cho nhu cầu của họ tại Việt Nam và ngoài Việt Nam. Như vậy, về mặt số lượng, mục tiêu của nước ngoài phù hợp với mục tiêu của Việt Nam, nên chúng ta có thể tận dụng cơ hội này để nhanh chóng nâng nguồn nhân lực được đào tạo từ 27% hiện nay lên trên 40% vào năm 2010 và cao hơn nữa trong những năm tiếp theo. Song ngay trong việc tăng trưởng số lượng thuộc phạm vi các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, quản trị kinh doanh, luật pháp quốc tế v.v..., theo cam kết trên chúng ta cũng cần có các biện pháp hữu hiệu để giám sát và điều chỉnh sao cho phù hợp với cơ cấu kinh tế-xã hội và các định hướng

phát triển cơ bản và lâu dài của Việt Nam, nếu không sẽ dẫn tới sự mất cân đối nghiêm trọng về nguồn nhân lực cho các ngành nghề cần ưu tiên phát triển của Việt Nam. Về chất lượng đào tạo đội ngũ lao động, chúng ta có cơ sở để hi vọng rằng WTO cũng có thể giúp ta nhanh chóng đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động trong nước và thế giới, vì các cơ sở giáo dục của họ có những chuyên gia bậc cao, có cơ sở vật chất - kỹ thuật đào tạo tiên tiến, có nhiều kinh nghiệm quản lý giáo dục khá hiệu quả. Mặt mạnh này của họ cần được ngành giáo dục tận dụng tối đa để chắt chiu những sớm tạo đủ nguồn nhân lực tốt, mà còn nắm bắt được những ưu điểm của họ để nhanh chóng đưa nền giáo dục Việt Nam trong các lĩnh vực kể trên tiến lên ngang hàng với các nước tiên tiến. Song cũng ở mặt chất lượng đào tạo, chúng ta cần thấy rõ sự khác biệt rất cơ bản là các nước cung cấp dịch vụ chủ yếu đòi hỏi trình độ chuyên môn, tay nghề cao cùng với tác phong công nghiệp tương ứng với các dây chuyền công nghệ hiện đại, với những ngành chuyên môn sâu, không cần tính đến nhân cách toàn diện của người lao động, trong khi Việt Nam đòi hỏi ngành giáo dục phải đào tạo người lao động có chất lượng toàn diện, trong đó chất lượng chuyên môn cao không được tách rời khỏi lòng trung thành tuyệt đối với Tổ quốc và lí tưởng xã hội-chủ nghĩa Việt Nam.

Hơn nữa, cũng cần phải thấy rõ sự khác biệt rất xa về chất lượng giữa loại trường chi nhánh xuất khẩu giáo dục này với các trường mẹ ở chính quốc. Trước hết khác biệt ở chỗ: Tại trường mẹ, kế hoạch và chương trình đào

tạo bao giờ cũng có các phần nội dung xã hội nhân văn, nên chất lượng giáo dục ở đó nói chung là khá toàn diện theo quan điểm nhân văn của họ. Bởi thế chi phí đào tạo ở các nước có nền giáo dục tiên tiến là rất cao, không phù hợp với khả năng tài chính của đại bộ phận phụ huynh học sinh của các nước đang phát triển muốn gửi con em đi du học ở nước ngoài (khoảng 30.000 USD cho một khoá ở Australia, đắt gấp 2-3 lần du học tại chỗ ở Việt Nam). Cho nên việc đưa dịch vụ giáo dục vào các nước này để thu hút đông đảo học sinh là biện pháp tối ưu đối với các nước xuất khẩu giáo dục, vì họ có thể không phải tính đến những chi phí quốc gia và xã hội cho giáo dục trước đó của học sinh, có thể không phải chi trả học bổng mà chỉ cần miễn học phí cho học sinh, có thể rút ngắn thời gian đào tạo tới một - hai năm so với trường bình thường ở nước ta và nước họ do chỉ tập trung vào dạy các môn chuyên ngành trực tiếp liên quan đến sản xuất, kinh doanh của họ. Với cách làm như vậy, họ thu được lợi nhuận rất cao ngay trong dịch vụ giáo dục này, không đợi đến các lợi ích trong việc sử dụng nhân công về sau của các công ty liên kết với họ. Theo một nghiên cứu của Đại học Sheffield, trong năm 2003-2004, xuất khẩu giáo dục đem lại 56 tỷ USD cho nước Anh, cao hơn hẳn nguồn thu từ các dịch vụ tài chính (38 tỷ), công nghiệp ô tô (40 tỷ), xuất khẩu y tế (28 tỷ), ngành ăn uống (18,8 tỷ) và xuất khẩu (14 tỷ)¹.

Về bản chất, kiểu giáo dục đào tạo kỹ trị - thực dụng này là cách thức tốt nhất và nhanh nhất để họ tạo ra tại chỗ một đội ngũ

những người sẵn sàng an phận làm thuê cốt có thu nhập cao hơn chút ít so với trong nước, mà không biết quan tâm đến chính trị, thời cuộc của nước nhà, rất mờ nhạt ý thức tự chủ, tự tôn dân tộc. Bởi vậy không nên đánh giá nhằm và ngộ nhận chất lượng cao của loại hình trường này ở nước ngoài với chất lượng thực sự tiên tiến của các trường mẹ tại chính quốc, rồi vỗ vập đón chào và cho họ mở cửa ồ ạt các dịch vụ giáo dục kiểu này. Trái lại cần phải hết sức quan tâm giải quyết tốt những mặt tiêu cực trong chất lượng giáo dục của loại trường này trên lãnh thổ Việt Nam, nếu không nguy cơ chảy máu chất xám ngay tại Việt Nam là rất nghiêm trọng, và hậu quả tai hại của khuynh hướng giáo dục kỹ trị - thực dụng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam là không thể lường trước hết được.

Vậy là với nguồn tuyển sinh phong phú và chi phí đào tạo thấp ở Việt Nam, cộng thêm các thương hiệu giáo dục đào tạo vốn đã nổi tiếng tiên tiến trên thị trường lao động quốc tế đang hợp lại thành lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ và chắc chắn nó sẽ tạo ra sức ép rất lớn đối với nền giáo dục Việt Nam. Nhờ có những lợi thế đó, họ sẽ thu hút được đông đảo học sinh có năng lực nhất vào học. Bởi lẽ với tấm bằng có thương hiệu quốc tế theo kiểu tuyên truyền khoa trương của họ, học sinh tốt nghiệp sẽ dễ tìm được việc làm hơn và thu nhập cao hơn. Tuy nhiên cần tỉnh táo nhìn nhận đây là trình độ quốc tế ở các nước đang phát triển, chứ thực tế chưa tương đương với tấm bằng của các trường mẹ ở chính quốc.

¹ Theo Báo Nhân dân điện tử ngày 18/9/2007.

Chính sức cạnh tranh ở đầu ra của dịch vụ giáo dục sẽ có tác dụng trực tiếp điều chỉnh, thậm chí chi phối cả đầu vào của cả hệ thống giáo dục-đào tạo bậc cao của Việt Nam. Tỷ lệ thí sinh đại học của các ngành xã hội nhân văn năm học vừa qua tụt xuống mức thấp nhất từ trước đến nay cho thấy xu thế thực dụng đang phát triển mạnh trong tầng lớp trẻ và cũng từ đó có thể chỉ ra cho thấy một viễn cảnh đáng quan ngại về nguồn nhân lực và nhân tài ở một số lĩnh vực nhất định sau khi ta vào WTO. Vì vậy nhà nước ta phải có những đối sách phù hợp ngay từ đầu thì giáo dục mới có thể làm tròn sứ mệnh của mình là vừa tận dụng được thời cơ sớm tạo ra một nguồn nhân lực phù hợp với cơ cấu vĩ mô của nền kinh tế, đủ về số lượng, mạnh về chất lượng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, mà lại vừa không để mình bị hoà tan trong WTO, không để bị cái “thế giới phẳng” của các nước giàu có nhất cố tình đè lên trên và kìm hãm mãi nền kinh tế của ta và buộc ta phải cam phận cung cấp không hạn chế những người làm thuê giá rẻ cho cái thế giới phẳng ấy.

Tóm lại, việc phân tích cận kề các mục đích trước mắt và lâu dài của dịch vụ giáo dục trong WTO cho thấy, đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam, phương thức hiện diện thương mại, tức mở trường nước ngoài tại Việt Nam, tuy có mang lại không ít lợi ích trực tiếp trước mắt dễ nhận thấy, nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn những nguy hại lâu dài thật to lớn và rất khó

lượng, nên cần hết sức tinh táo tìm ra những đối sách thật khôn khéo và hữu hiệu để tận dụng được tối đa các mặt tích cực và hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực của nó. Điều này chúng ta tin rằng có thể làm được, nếu tất cả đều thực sự đồng lòng, kiên quyết và khôn khéo áp dụng đồng bộ các phương sách thích hợp trên cơ sở giữ vững lập trường độc lập, không hữu khuynh buông lỏng nguyên tắc trước sức ép thường xuyên về nhiều mặt của đối tác và cũng là đối thủ. Những phương sách này vừa phải nhằm tương tác với những lợi ích kinh tế trực tiếp trước mắt để cùng có lợi cho cả hai bên, vừa phải hướng tới ngăn chặn các mục tiêu chính trị xã hội tiêu cực lâu dài của đối phương. Bởi vì suy cho cùng, lĩnh vực giáo dục-đào tạo là nơi diễn ra thâm lạng, nhưng quyết liệt nhất giữa các đối phương nhằm tranh thủ và chiếm lĩnh trọn vẹn trái tim và khối óc của thế hệ trẻ về phía mình, để xây dựng vững chắc một cơ sở chính trị - kinh tế - xã hội đảm bảo cho thắng lợi cuối cùng của những mục tiêu chiến lược của mình. Cho nên chúng ta không thể coi nhẹ và lơ là với hoạt động giáo dục của nước ngoài trên đất nước Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổ chức thương mại thế giới (27/10/2006), Ban công tác về gia nhập WTO của Việt Nam, *Phần II: Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ*.

2. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đối thoại trực tuyến ngày 9/2/2007.

3. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.